

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HN ngày 30/8/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thủy T, sinh năm 1997, nơi cư trú: tổ 01, ấp Cầu Dây, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hsu Chin W, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số 567/18 Đoạn 3, Lộ Phúc Tam, khóm 011, Thôn T, làng P, huyện C, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị Thủy T trình bày:

Bà Phan Thị Thủy T và ông Hsu Chin W quen nhau qua mai mối, tổ chức đám cưới vào ngày 12/10/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 11/11/2019. Sau khi kết hôn bà Phan Thị Thủy T và ông Hsu Chin W sang Đài Loan sinh sống. Trong quá trình sinh sống bà Phan Thị Thủy T và ông Hsu Chin W không có tiếng nói chung bất đồng ngôn ngữ hay cãi nhau, tình cảm không còn không thể

tiếp tục sống chung, từ ngày 23-02-2022 bà Phan Thị Thủy T trở về Việt Nam sống đến nay, bà Phan Thị Thủy T khởi kiện ly hôn ông Hsu Chin W.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Hsu Chin W đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Kết quả ủy thác của Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện việc ủy thác nêu trên vào ngày 08/8/2022 bằng phương thức chuyển cho người sống cùng đương sự, nhưng quá hạn ông Hsu Chin W không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang, bị đơn cư trú tại Số 567/18 Đoạn 3, Lộ Phúc Tam, khóm 011, Thôn Tú Thố, làng Phúc Hưng, huyện Chương Hóa, Đài Loan. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 04-5-2022; bị đơn đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc, xét xử của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân bà Phan Thị Thủy T và ông Hsu Chin W do mai mối quen nhau, tổ chức đám cưới vào ngày 12/10/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 11-11-2019, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày: Quá trình chung sống, bà T và ông Hsu Chin W thường xảy ra mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung bất đồng ngôn ngữ hay cãi nhau, tình cảm không còn không thể tiếp tục sống chung.

Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn. Về phía bị đơn ông Hsu Chin W không gửi ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà T cho Tòa án và cũng không đến Tòa án theo lịch làm việc. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 11/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp, bà Phan Thị Thủy T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ tạm ứng đã nộp..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Phan Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thủy T được ly hôn ông Hsu Chin W.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 11-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thủy T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0000105 ngày 26-4-2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phan Thị Thủy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Bà Phan Thị Thủy T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000086 ngày 04/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phan Thị Thủy T đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Thời hạn kháng cáo của bà Phan Thị Thủy T 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Hsu Chin W là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện C;
- Tòa Gia đình và NCTN;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Quách Tố Giang